

CÔNG TY CỔ PHẦN LIZEN
LIZEN JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 289 /LIZEN-PL&KSNB

TP. HCM, ngày 29 tháng 06 năm 2026
Hochiminh City, June 29, 2026



TÓM TẮT SỔ CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY TẠI NGÀY 22/06/2026
ĐỂ THỰC HIỆN QUYỀN NHẬN CỔ TÚC NĂM 2025

SHAREHOLDING STRUCTURE REGISTERED ON DATE 22/06/2026
FOR THE PURPOSE OF CONFIRMING THE RIGHTS TO RECEIVE DIVIDENDS FOR 2025

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Hochiminh Stock Exchange

I. CƠ CẤU SỞ HỮU/ SHAREHOLDING STRUCTURE

1. Cơ cấu sở hữu theo loại cổ đông/ Shareholding structure on type of shareholder basis

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Shareholding structure	
					Tổ chức	Cá nhân
NO.	Subject	Number of shares	Proportional ownership (%)	Number of shareholders	Institution	Individual
1	Cổ đông Nhà nước/ <i>The State as shareholder</i>	0	0	0	0	0
2	Cổ đông sáng lập/ Cổ đông FDI/ <i>Founder/ FDI Shareholder</i>	0	0	0	0	0
	- Trong nước/ <i>Domestic</i>	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài/ <i>Foreign</i>	0	0	0	0	0
3	Cổ đông lớn/ <i>Major Shareholders</i>	10.467.281	5,02	1	0	1
	- Trong nước/ <i>Domestic</i>	10.467.281	5,02	1	0	1
	- Nước ngoài/ <i>Foreign</i>	0	0	0	0	0
4	Công đoàn Công ty/ <i>Labor Union</i>	14.139	0,01	1	1	0
	- Trong nước/ <i>Domestic</i>	14.139	0,01	1	1	0
	- Nước ngoài/ <i>Foreign</i>	0	0	0	0	0
5	Cổ phiếu quỹ/ <i>Treasury shares</i>	2.000.338	0,96	1	1	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)/ <i>Preferred stocks</i>	0	0	0	0	0
7	Cổ đông khác/ <i>Other shareholders</i>	196.120.709	94,01%	23.896	61	23.835
	- Trong nước/ <i>Domestic</i>	192.514.284	92,28%	23.783	44	23.739
	- Nước ngoài/ <i>Foreign</i>	3.606.425	1,73%	113	17	96
TỔNG CỘNG/ TOTAL		208.602.467	100%	23.899	63	23.836
Trong đó: - Trong nước/ Domestic		204.996.042	98,27%	23.786	46	23.740
- Nước ngoài/ Foreign		3.606.425	1,73%	113	17	96

2. Cơ cấu sở hữu theo Cổ đông lớn và Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (NĐTKCN)

Shareholding structure on Major shareholder and professional investor basis

Công ty chưa xác định được danh sách các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo Điều 11 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14. Theo đó, Công ty chưa thể tóm tắt theo bảng bên dưới.

The company has not identified the list of professional securities investors according to Article 11 of the Securities Law No. 54/2019/QH14. Accordingly, the Company cannot summarize according to the table below.

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)/ Shareholding structure	
					Tổ chức	Cá nhân
NO.	Subject	Number of Share	Proportional ownership (%)	Number of Shareholders	Institution	Individual
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN/ Major Shareholders (excluding Professional investors)	10.467.281	5,02	1	0	1
	- Trong nước/ Domestic	10.467.281	5,02	1	0	1
	- Nước ngoài/ Foreign	0	0	0	0	0
2	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% VDL trở lên/ Professional investors holding an amount of share exceeding 5% of paid-up capital	0	0	0	0	0
	- Trong nước/ Domestic	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài/ Foreign	0	0	0	0	0
3	NĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% VDL Professional investors which hold share in an amount under 5% of the paid-up capital	2.824.030	1,35	17	17	0
	- Trong nước/ Domestic	146.366	0,07	10	10	0
	- Nước ngoài/ Foreign	2.677.664	1,28	7	7	0
TỔNG CỘNG/ Total		13.291.311	6,37	18	17	1

3. Cơ cấu cổ đông theo loại cổ phiếu/ Shareholding structure on type of share basis

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyên nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
Subject	Number of transfer restriction shares	Number of free transfer shares	Total	Proportional ownership (%)
1	2(**)	3	4=2+3	5
I. Cổ đông nội bộ	0	19.688.046	19.688.046	9,44
II. Cổ phiếu quỹ	0	2.000.338	2.000.338	0,96

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
III. Công đoàn Công ty	0	14.139	14.139	0,01
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	0	0	0	0
V. Cổ đông khác	0	186.899.944	186.899.944	89,59
1. Trong nước	0	183.398.288	183.398.288	87,91
1.1 Cá nhân	0	182.577.535	182.577.535	87,52
1.2 Tổ chức	0	820.753	820.753	0,39
Trong đó Nhà nước:	0			
2. Nước ngoài	0	3.501.656	3.501.656	1,68
2.1 Cá nhân	0	970.358	970.358	0,47
2.2 Tổ chức	0	2.531.298	2.531.298	1,21
TỔNG CỘNG:	0	208.602.467	208.602.467	100

II. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT LIST OF SHAREHOLDERS BY TYPE

STT	Tên tổ chức/cá nhân/	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu/	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng (**)
No	Name of organization/ individual	ID/Passport number	Date of issue	Place of issue	Number of stock	Proportional ownership (%)	Number of transfer restriction shares
A. Cổ đông nhà nước/State shareholders							
Tổng Cộng A/ Total A					0	0	0
B. Cổ đông lớn/ Major Shareholders							
1	Nguyễn Văn Nghĩa				10.467.281	5,02	0
Tổng Cộng B/ Total B					10.467.281	5,02	0
C. Cổ đông chiến lược/ Strategic shareholders							
Tổng Cộng C/ Total C					0	0	0

STT	Tên tổ chức/cá nhân/	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu/	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng (**)
No	Name of organization/ individual	ID/Passport number	Date of issue	Place of issue	Number of stock	Proportional ownership (%)	Number of transfer restriction shares
D. Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI (đối với trường hợp TCNY là doanh nghiệp FDI)/ <i>Founding partner/FDI Shareholder (in case Listed company is a FDI company)</i>							
Tổng Cộng D/ Total D					0	0	0
Tổng Cộng (A+B+C+D)/ Total (A+B+C+D)					10.467.281	5,02	0

III. DANH SÁCH CHI TIẾT VỀ CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
DETAILED SHAREHOLDING OF INTERNAL PERSONS

STT No.	Họ tên Name	Chức vụ Position	Số lượng CP/ Number of shares			
			Hạn chế chuyển nhượng(*) Transfer restriction	Chuyển nhượng tự do(*) Free transfer	Tổng cộng Total	Tỷ lệ sở hữu (%) Proportional ownership (%)
1	Bùi Dương Hùng	Chủ tịch HĐQT Chairman of the BOD	0	6.206.055	6.206.055	2,98
2	Nguyễn Văn Nghĩa	Thành viên HĐQT Member of the BOD	0	10.467.281	10.467.281	5,02
3	Budiman Satrio Sudono Liem	Thành viên HĐQT Member of the BOD	0	104.769	104.769	0,05
4	Phan Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT, TV UBKT Member of the BOD, Member of Audit Committee	0	25	25	0



13/11/2018

5	Phí Ngọc Anh	Tổng Giám đốc <i>General Director</i>	0	110.859	110.859	0,05
6	Cao Ngọc Phương	Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Director</i>	0	329.239	329.239	0,16
7	Tăng Quốc Thuộc	Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Director</i>	0	1.318.520	1.318.520	0,63
8	Lê Thị Phương Nam	Phó Tổng Giám đốc, Người UQ CBTT, Người quản trị công ty <i>Deputy General Director, Authorized person to disclose information, Person in charge of corporate governance</i>	0	532.753	532.753	0,26
9	Nguyễn Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Director</i>	0	553.134	553.134	0,27
10	Bành Văn Anh	Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Director</i>	0	59.449	59.449	0,03
11	Đỗ Văn Hường	Kế toán trưởng <i>Chief accountant</i>	0	5.962	5.962	0
TỔNG CỘNG/TOTAL:			0	19.688.046	19.688.046	9,44

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
Authorized person to disclose information



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thị Phương Nam